

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2022/KDTM-ST
Ngày: 26/4/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;
2. Bà Trần Thị Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2021/KDTM-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-KDTM ngày 15/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-KDTM ngày 01/4/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty BD (tên viết tắt: TDC); địa chỉ: Số 26-27, Lô I đường Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lưu Xuân L, sinh năm 1988; địa chỉ: đường DJ, Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/05/2021), có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty PG; địa chỉ: Số 50, ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn Công ty BD và đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/12/2019, Công ty BD (gọi tắt là công ty TDC) ký hợp đồng nguyên tắc số 62PG/HDDMB2019 với Công ty PG (gọi tắt là công ty PG) về việc cung cấp bê tông trộn sẵn cho công trình xây dựng của công ty PG.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TDC đã thực hiện việc giao hàng theo đúng yêu cầu về số lượng, chất lượng của công ty PG. Tuy nhiên, công ty PG không thanh toán giá trị hợp đồng theo đúng thỏa thuận tại khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng.

Ngày 30/4/2020, các bên đã ký biên bản xác nhận công nợ của hợp đồng số 62PG/HDDMB2019. Tổng giá trị công nợ của công ty PG còn phải thanh toán cho công ty TDC là 354.897.523 đồng. Công ty TDC đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng công ty PG vẫn không thực hiện việc thanh toán nợ.

Theo đơn khởi kiện Công ty BD yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty PG phải thanh toán tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày khởi kiện là 420.731.014 đồng bao gồm: tiền nợ gốc phải thanh toán là 354.897.523 đồng và tiền lãi suất tạm tính từ ngày 30/4/2020 đến ngày khởi kiện là $354.897.523 \times 0,05\% \times 371 \text{ ngày} = 65.833.491$ đồng.

Ngày 29/12/2021, công ty PG có thanh toán được cho công ty TDC số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Do đó, công ty TDC rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000 đồng. Công ty TDC yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc công ty PG phải thanh toán số tiền gốc là 254.897.523 đồng;

- Thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 30/4/2020 đến ngày 28/12/2021 là $354.897.523 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 603 \text{ ngày} = 107.001.747$ đồng;

- Thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 29/12/2021 tạm tính đến ngày 02/3/2021 là $254.897.523 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 61 \text{ ngày} = 7.774.389$ đồng.

Tổng số tiền công ty PG phải thanh toán là 369.673.659 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn Công ty PG. Tuy nhiên, Công ty PG không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc là 154.897.523 đồng; tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 30/4/2020 đến ngày 28/12/2021 là $354.897.523 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 603 \text{ ngày} = 107.001.747$ đồng; tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 29/12/2021 tạm tính đến ngày 05/4/2022 là $254.897.523 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 96 \text{ ngày} = 12.235.084$ đồng; lãi chậm thanh toán tính từ ngày 06/4/2022 đến ngày 26/4/2022 là $154.897.523 \text{ đồng} \times 0,05\% / \text{ngày} \times 20 \text{ ngày} = 1.548.976$ đồng

Tổng số tiền công ty PG phải thanh toán tạm tính đến ngày 26/4/2022 là 275.683.330 đồng.

Bị đơn Công ty PG vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội

đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Công ty BD khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty PG thanh toán số tiền nợ gốc là 354.897.523 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán của hợp đồng số 62PG/HDDMB2019 ngày 01/12/2021 giữa công ty TDC và công ty PG. Từ nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” quy định tại Điều 24 Luật thương mại.

[1.2]. Về thẩm quyền: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Khoản 5.2 Điều 5 của hợp đồng số 62PG/HDDMB2019 ngày 01/12/2021, hai bên thỏa thuận *“Mọi tranh chấp nếu như hai bên không tự giải quyết được, hai bên thống nhất chọn Tòa án có thẩm quyền nơi bên A đặt trụ sở để giải quyết mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng”*. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

[1.3]. Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn Công ty PG đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 420.731.014 đồng bao gồm: tiền nợ gốc phải thanh toán là 354.897.523 đồng và tiền lãi suất tạm tính từ ngày 30/4/2020 đến ngày khởi kiện là $354.897.523 \times 0,05\% \times 371 \text{ ngày} = 65.833.491 \text{ đồng}$. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc là 154.897.523 đồng; tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 30/4/2020 đến ngày 28/12/2021 là $354.897.523 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 603 \text{ ngày} = 107.001.747 \text{ đồng}$; tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 29/12/2021 tạm tính đến ngày 05/4/2022 là $254.897.523 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 96 \text{ ngày} = 12.235.084 \text{ đồng}$; lãi chậm thanh toán tính từ ngày 06/4/2022 đến ngày 26/4/2022 là $154.897.523 \text{ đồng} \times 0,05\%/\text{ngày} \times 20 \text{ ngày} = 1.548.976 \text{ đồng}$. Tổng số tiền công ty PG phải thanh toán tạm tính đến ngày 26/4/2022 là 275.683.330 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ngày 01/12/2019, Công ty BD và Công ty PG ký Hợp đồng nguyên tắc số 62PG/HDDMB2019 về việc thỏa thuận mua bán bê tông trộn sẵn và dịch vụ bơm bê tông. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý.

[2.2] Về số tiền gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ chưa thanh toán là 154.897.523 đồng. Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn xuất trình để khởi kiện bị đơn là biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 30/4/2020; các hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu giao nhận bê tông. Qua xem xét biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/4/2020 có chữ ký của ông Lý Ngọc Long là người đại diện theo pháp luật của bị đơn, có đóng dấu của Công ty PG. Nội dung biên bản thể hiện công ty PG xác nhận số tiền còn nợ Công ty TDC tính đến ngày 30/4/2020 là 354.897.523 đồng. Ngày 29/12/2021, công ty PG đã thanh toán được 100.000.000 đồng và ngày 06/4/2022, công ty PG thanh toán thêm số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy số tiền công ty PG còn phải thanh toán cho công ty TDC là 154.897.523 đồng. Tại khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng hai bên đã thỏa thuận “*thời hạn thanh toán: Bên B có trách nhiệm thanh toán cho bên A 100% tổng số tiền theo khối lượng tạm tính trước 01 ngày bên A giao hàng. Nếu tổng số tiền theo khối lượng thực tế lớn hơn số tiền theo khối lượng tạm tính thì bên B phải thanh toán ngay sau khi bên A giao hàng xong từng đợt*”. Về phía bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để xác định việc đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán số tiền nguyên đơn khởi kiện. Xét thấy, do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 154.897.523 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 50, 55 Luật thương mại.

[2.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính từ ngày đối chiếu công nợ (ngày 30/4/2020) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,05%/ngày tương đương với số tiền nợ gốc còn nợ. Xét thấy, tại hợp đồng hai bên thỏa thuận về thời hạn thanh toán “*Bên B có trách nhiệm thanh toán cho bên A 100% tổng số tiền theo khối lượng tạm tính trước 01 ngày bên A giao hàng. Nếu tổng số tiền theo khối lượng thực tế lớn hơn số tiền theo khối lượng tạm tính thì bên B phải thanh toán ngay sau khi bên A giao hàng xong từng đợt*”. Tuy nhiên, sau khi bị đơn nhận hàng, đồng ý ký xác nhận trên các phiếu giao hàng và đối chiếu công nợ với nguyên đơn vào ngày 30/4/2020 thì bị đơn không thực hiện việc thanh toán như đã thỏa thuận. Do đó, ngoài số tiền nợ gốc, bị đơn còn phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán cho nguyên đơn. Tại khoản 2.3 điều 2 của hợp đồng hai bên thỏa thuận “*Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán nêu trên mà bên B vẫn chưa thanh toán cho bên A thì bên B phải chịu phạt 0,05%/ngày trên số tiền mà bên B chậm thanh toán*”. Đây là sự thỏa thuận của các bên, căn cứ Điều 306 Luật thương mại mức lãi suất và thời gian yêu cầu tính lãi mà nguyên đơn đưa ra là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể: tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 30/4/2020 đến ngày 28/12/2021 là $354.897.523 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 603 \text{ ngày} = 107.001.747 \text{ đồng}$; tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 29/12/2021 tạm tính đến ngày 05/4/2022 là $254.897.523 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 96 \text{ ngày} = 12.235.081 \text{ đồng}$; lãi chậm thanh toán tính từ ngày 06/4/2022 đến ngày 26/4/2022 là $154.897.523 \text{ đồng} \times 0,05\%/\text{ngày} \times 20 \text{ ngày} = 1.548.975 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền lãi mà công ty PG phải thanh toán cho công ty TDC tính đến ngày 26/4/2022 là 120.785.803 đồng.

Như vậy tổng số tiền mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 275.795.046 đồng bao gồm nợ gốc là 154.897.523 đồng; lãi suất là 120.785.803 đồng.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Công ty PG phải chịu án phí là 13.789.752 đồng. Công ty BD không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 235, 254, 266, 267, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty BD đối với bị đơn Công ty PG về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Công ty PG có trách nhiệm thanh toán cho Công ty BD tổng số tiền là 275.795.046 đồng bao gồm nợ gốc là 154.897.523 đồng; lãi suất là 120.785.803 đồng.

Kể từ 27/4/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng số 62PG/HDDMB2019 ngày 01/12/2019, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty PG phải chịu số tiền 13.789.752 đồng.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho Công ty BD số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.414.00 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000719 ngày 14/12/2021.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga